TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29-01-2026
"V/v Ly hôn giữa
Ông N và bà T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư;

2. Ông Lê Văn Thới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2025/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2025/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Phạm Thành N**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Tr**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp P, xã Phú Q, tỉnh Vĩnh Long. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/8/2025 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Phạm Thành N trình bày*:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị T tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 08/01/2011 tại Ủy ban nhân dân *xã P, huyện L* (nay xã P), tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu Ông, Bà sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hòa hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên cải vã với nhau, gia

đình hai bên có khuyên ngăn nhưng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, Ông và bà T không còn tình cảm vợ chồng, không thể khắc phục được mâu thuẫn, đã ly thân nhau, mạnh ai người đó sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay, Ông không thể tiếp tục cuộc sống vợ, chồng với bà T nên làm đơn xin ly hôn, bà T vẫn biết nhưng không đến Tòa án để giải quyết do đi làm ăn xa, Ông xác định không còn tình cảm vợ, chồng với bà T nên xin ly hôn chứ không nhằm mục đích gì khác, mâu thuẫn vợ, chồng không thể hàn gắn được nên Ông giữ quan điểm trong đơn kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho Ông được ly hôn bà T.

Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Ông cam kết trong thời kỳ hôn nhân với bà T đến thời điểm xin ly hôn không có nợ chung. Tại phiên tòa ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục tố tụng nhưng bà T vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Do đó, bà T không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vụ án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa bà T vắng mặt đến lần thứ hai.

Các đương sự không xuất trình chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Thành N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, bà Nguyễn Thị T vắng mặt suốt quá trình giải quyết. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

Bà Trang vắng mặt tại phiên tòa đến lần hai, ông N có đơn đề nghị xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Hiện nay, ông N và bà T đã sống ly thân nhau, sau khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng Ông, Bà không có yêu cầu Cơ quan quản lý Nhà nước về công tác gia đình tại địa phương hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp của Ông, Bà; ông N xác định rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp trong hôn nhân, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hòa hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên cải vã; bà T không có ý kiến gì phản đối yêu cầu xin ly hôn của ông N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Trong quá trình giải quyết ông N xác định được nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, Ông và bà T có thời gian sống ly thân nhau đã lâu, ông N xin ly hôn bà T do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên cải vã, trong suốt quá trình tố tụng bà luôn vắng mặt nên ông N kiên quyết giữ quan điểm ly hôn vì mâu thuẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông N đối với bà T.

[2.2] Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết; nợ chung: ông N khai thời kỳ hôn nhân đến thời điểm xin ly hôn bà T không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV - QH 14 ngày 30/12/2016, ông N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn 300.000đ, bà T không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

1.1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phạm Thành N và bà Nguyễn Thị T.

1.2/ Về nuôi con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

1.3/ Về chia tài sản: Tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết; nợ chung: Không có.

2/ Về án phí sơ thẩm: ông Phạm Thành N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0003423 ngày 29/9/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- PTHADSKV1-VL;
- VKSNDKV1-VL;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Loan